

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-02-2021

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thanh Nguyên;
2. Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: bà Trâm Ngọc Minh Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc " Tranh chấp ly hôn, nuôi con " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ 20 khóm A Đ A, thị trấn B C, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, có mặt;

- *Bị đơn:* Bà Vi Thị Kim Gi, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ 20 khóm A Đ A, thị trấn B C, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 26 tháng 8 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Vi Thị Kim Gi tự tìm hiểu nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B C theo giấy chứng nhận kết hôn số 93, quyển số 01, ngày 08 tháng 6 năm 2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì

bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, cuộc sống hôn nhân không hoà thuận nên đã ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn liên lạc. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm nên ông Nguyễn Văn S yêu cầu được ly hôn với bà Vi Thị Kim Gi.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thị Minh Th, sinh ngày 10/6/2004. Tuỳ theo ý kiến của Minh Th muốn sống với ai cũng được, sống với cha thì ông S nuôi dưỡng, không yêu cầu bà Gi cấp dưỡng nuôi con. Nếu muốn sống với mẹ thì bà Gi nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Vi Thị Kim Gi đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa cháu Nguyễn Thị Minh Th có nguyện vọng được sống với cha là Nguyễn Văn S khi cha mẹ ly hôn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn S và bà Vi Thị Kim Gi có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, quá trình chung sống giữa ông S, bà Gi thường xảy ra mâu thuẫn dẫn đến không còn sống chung từ năm 2016 đến nay, từ khi ly thân đến nay vợ chồng chưa gặp lại nhau, không tạo điều kiện để hàn gắn tại tình chồng vợ. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn S đối với bà Vi Thị Kim Gi.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thị Minh Th, sinh ngày 10/6/2004, tại phiên tòa hôm nay cháu Minh Th có nguyện vọng sống với sau sau khi ông S, bà Gi ly hôn. Xét thấy cần đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập cho cháu Minh Th nên giao cháu cho ông Nguyễn Văn S nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng ông Nguyễn Văn S không yêu cầu, nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, bà Vi Thị Kim Gi vắng mặt. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Vi Thị Kim Gi đã được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Vi Thị Kim Gi.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Vi Thị Kim Gi có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại khóm A Đ A, thị trấn B C, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: ông Nguyễn Văn S và bà Vi Thị Kim Gi tự tìm hiểu nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B C vào ngày 08 tháng 06 năm 2009 đúng theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, giữa ông S và bà Gi đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn chung sống với nhau từ năm 2016 đến nay, theo kết quả xác minh ngày 02 tháng 12 năm 2020 tại khóm A Đ A, thị trấn B C thì *“...Từ năm 2016 đến nay chỉ thấy ông S về nhà một mình hoặc bà Gi về nhà một mình, không thấy về chung và hai bên gia đình cũng không qua lại với nhau”*. Đồng thời, Tòa án cũng tiến hành xác minh bà Trần Thị Dư là mẹ ruột bà Gi như sau *“con tôi Vi Thị Kim Gi và Nguyễn Văn S cùng đi làm công nhân ở Thành phố Hồ Chí Minh nhưng sống riêng 3-4 năm nay, theo con tôi nói lại do ông S có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Con tôi biết việc ông S khởi kiện ly hôn nhưng không về được, tùy theo quyết định của Tòa án”* Như vậy, thấy rằng mâu thuẫn giữa ông S và bà Gi đã gay gắt, hai người đã bỏ mặt không còn quan tâm lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn S là có căn cứ.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thị Minh Th, sinh ngày 10/6/2004. Xét thấy cháu Minh Th có nguyện vọng được sống với ông Nguyễn Văn S. Do đó, cần giao con chung cho ông Nguyễn Văn S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn S khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Bà Vi Thị Kim Gi không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn S đối với bà Vi Thị Kim Gi, ông Nguyễn Văn S được ly hôn với bà Vi Thị Kim Gi.

Giấy chứng nhận kết hôn số 93, quyển số 01 ngày 08 tháng 06 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thị trấn B C, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Minh Th, sinh ngày 10/6/2004 cho ông Nguyễn Văn S nuôi dưỡng. Bà Vi Thị Kim Gi không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn S cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Vi Thị Kim Gi quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0000515 ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, ông Nguyễn Văn S đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND TT Ba Chúc;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Văn Hùng